

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Bản án số: 05 /2019/ HNGĐ-ST

Ngày: 27- 6-2019;

V/v: “Xin ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thương; 2. Bà Nguyễn Thị Hải;

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 120/2019/TLST- HNGĐ ,ngày 07 tháng 5 năm 2019; về việc xin ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự: 1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Ngọc L**; sinh năm: 1984;

Nơi cư trú: Thôn 6, xã L, huyện B, tỉnh Q. Có mặt;

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Văn P**; sinh năm: 1974;

Nơi cư trú: Thôn 6, xã L, huyện B, tỉnh Q. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc L trình bày: Chị L và anh P kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Q vào ngày 23 tháng 7 năm 2009; sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc và đã sinh ba đứa con. Đến tháng 10/2018 hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn mà không thể hòa hợp được. Nguyên nhân là cãi vã, không tin tưởng nhau trong cuộc sống, bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị L xin ly hôn anh P. Hai vợ chồng có ba con chung là Lê Văn Hoài N, sinh ngày 01/01/2006; Lê Bảo Ng, sinh ngày 16/6/2009; Lê Châu Ngọc Á, sinh ngày 05/02/2014. Sau ly hôn chị L xin nuôi cả ba con, yêu cầu anh P đóng góp phí tổn nuôi con mỗi đứa mỗi tháng 1.000.000đ. Về tài sản chung và công nợ: Tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn P trình bày: Chị L và anh P kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Q vào ngày 23/7/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn , nguyên nhân là do tính

tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến hay cãi vã nhau. Nay chị L xin ly hôn anh P nhất trí, anh P mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Về con chung thống nhất như trình bày của chị L là vợ chồng có ba con chung, nếu ly hôn thì anh P nhất trí giao chị L nuôi cả ba con chung và anh P nhất trí đóng góp phí tổn nuôi con mỗi đứa mỗi tháng 1.000.000đ(3.000.000đ/3 đứa/1 tháng). Về tài sản chung và công nợ: Nếu ly hôn hai vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Tranh chấp phát sinh giữa chị Lê Thị Ngọc L và anh Lê Văn P là tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh P kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Q vào ngày 23 tháng 7 năm 2009; đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, tình cảm không thể hàn gắn được. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, xử cho chị Lê Thị Ngọc L được ly hôn anh Lê Văn P là có căn cứ.

[3].Về con chung: Hai anh, chị có ba con chung là Lê Văn Hoài N, sinh ngày 01/01/2006; Lê Bảo Ng, sinh ngày 16/6/2009; Lê Châu Ngọc Á, sinh ngày 05/02/2014. Các con Lê Văn Hoài N và Lê Bảo Ng có đơn xin ở với mẹ(riêng cháu Á chưa đủ tuổi để viết đơn xin ở với ai, theo quy định của pháp luật). Chị L đề nghị được nuôi cả ba con và yêu cầu anh P đóng góp phí tổn nuôi con 3.000.000đ/3 con/1 tháng; nếu ly hôn anh P nhất trí như yêu cầu của chị L; chị L cam đoan có đủ điều kiện để nuôi ba con cho đến khi trưởng thành. Do vậy, giao cả ba đứa con cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo ý chí của anh P, chị L và các con là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của chị L, anh P là có căn cứ; anh P đóng góp phí tổn nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi mỗi cháu đến tuổi trưởng thành(18 tuổi).

[4] Về tài sản chung và công nợ: Tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5]. Về án phí: Chị L chịu nộp án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 300.000đ; anh P chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con để sung công quỹ Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

[6].Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử, chị Lê Thị Ngọc L được ly hôn anh Lê Văn P.

2. Về con chung: Giao các con Lê Văn Hoài N, sinh ngày 01/01/2006; Lê Bảo Ng, sinh ngày 16/6/2009; Lê Châu Ngọc Á, sinh ngày 05/02/2014 cho chị Lê Thị Ngọc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh P đóng góp phí tồn nuôi con mỗi con mỗi tháng 1.000.000đ(một triệu đồng) cho đến khi mỗi con đến 18 tuổi(3.000.000đ/3 con/1 tháng).

Cấm chị L và anh P ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con khi có một trong các căn cứ được quy định tại khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và công nợ: Tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc L chịu nộp 300.000đ(ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) chị L đã nộp theo Biên lai số 0003156 ngày 07 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, như vậy, chị L đã nộp đủ án án phí. Anh P chịu 300.000đ(ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27 /6 /2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Quảng Bình;
- VKS huyện Bố Trạch(2)
- Chi cục THA DS huyện Bố Trạch;
- Chị Lê Thị Ngọc L;
- Anh Lê Văn P;
- UBND xã L(Đề biết);
- Lưu hồ sơ, vpTòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân

